TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 16/4/2021
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hoan

2. Bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653A/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thu T**, sinh năm 2000

ĐKHKTT: 73A T, phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Thôn Th, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1984

ĐKHKTT: 73A T, phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Số 3/30A N, khu 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

+ **Người làm chứng**:

-Bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1942

Địa chỉ: Số 3/30A N, khu 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Bà Đỗ Thị Kh, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 2/30A N, khu 10, phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thu T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng mẹ đẻ anh Tr tại số 3/30A N, khu 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chênh lệch nhau về tuổi tác từ đó dẫn đến quan điểm sống, lối sống bất đồng, thường xuyên cãi nhau. Bên cạnh đó anh Tr không chịu làm ăn, chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị T nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Tr không thay đổi tính nết. Khoảng đầu tháng 11 năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đỉnh điểm, anh Tr chửi bới và đuổi chị ra khỏi nhà, không cho chị mang con đi cùng. Chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh Tr không lần nào đến tìm chị về chung sống, thỉnh thoảng anh Tr có goi điện, nhắn tin cho chị nhưng chủ yếu đe dọa, chửi bới chị chứ không có mong muốn về đoàn tụ. Ngoài ra anh Tr còn gọi điện cho bố mẹ chị đe dọa đánh chị. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tr. Chị T xác định anh Tr hiện vẫn đang sinh sống cùng mẹ đẻ tại số 3/30A N, khu 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Việc chị làm đơn xin ly hôn anh Tr đã biết nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc nhằm gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn chứ thực chất giữa chị và anh Tr không còn tình cảm vợ chồng.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2019. Hiện nay cháu D đang ở với anh Tr. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Tr không cho chị mang con đi cùng nhưng chị vẫn thường xuyên về thăm con. Quan điểm của chị T xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang bán hàng online thu nhập khoảng 5

– 6 triệu/tháng, đủ khả năng nuôi con. Về chỗ ở hiện nay chị đang ở nhà cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ chị sẽ tạo điều kiện để chăm sóc con chung cho chị khi chị đi làm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm.

Người làm chứng bà Hoàng Thị Ng (mẹ đẻ anh Tr) trình bày:

Chị T và anh Tr kết hôn với nhau vào năm 2018, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bà tại địa chỉ số 73A T, phường Tr, thành phố H nhưng hiện nay gia đình bà đã chuyển về số 3/30A N, phường N, thành phố H sinh sống. Quá trình chung sống chị T và anh Tr có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể thế nào bà không lắm được, chỉ biết chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2020. Nay chị T xin ly hôn quan điểm của bà Ng việc ly hôn là việc riêng của anh chị, bà không liên quan gì. Bà Ng xác định quá trình chung sống chị T và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2019. Hiện nay cháu D đang ở cùng bà và anh Tr, bà đề nghị Tòa án giải quyết về con chung của chị T, anh Tr theo quy định của pháp luật. Anh Tr và chị T không có tài sản chung, nợ chung.

Anh Tr hiện vẫn đang sinh sống cùng bà tại địa chỉ số 3/30A N, khu 10, phường N, thành phố H. Việc chị T xin ly hôn, anh Tr đã biết nhưng nói với bà không có gì phải vội. Tòa án giao cho bà thông báo thụ lý, giấy triệu tập cho anh Tr bà cam kết giao tận tay cho anh Tr.

Người làm chứng bà Đỗ Thị K (mẹ đẻ chị T) trình bày:

Bà là mẹ đẻ chị T và là mẹ vợ anh Tr. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Tr là do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đông quan điểm sống. Chị T đã về chung sống cùng gia đình bà từ tháng 11 năm 2020. Bản thân bà và gia đình hai bên cùng đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng chị T, anh Tr về chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Bà nhiều lần góp ý với chị T để chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ, chung sống cùng anh Tr nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn anh Tr. Từ khi chị T bỏ về nhà ở thì bà không thấy anh Tr đến nói chuyện tìm chị T về chung sống. Nay chị T xin ly hôn anh Tr quan điểm của bà K mong muốn vợ chồng về đoàn tụ còn nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà K xác định chị T và anh Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2019. Hiện nay cháu D đang ở với anh Tr, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu D. Anh Tr, chị T không có tài sản chung, nợ chung.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông là hàng xóm của gia đình chị T, anh Tr. Anh Tr, chị T chuyển về sống tại ngõ 3/30A N được khoảng 01 năm. Quá trình chung sống anh Tr, chị T phát sinh mâu thuẫn thế nào ông D không nắm được. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh với ông Trần Văn Th (trưởng khu) trình bày: Gia đình anh Tr, chị T chuyển về số 3/30A N, khu 10, phường Tr sống khoảng 01 năm nay. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như nào địa phương không nắm được, chỉ thấy thỉnh thoảng vợ chồng có to tiếng cãi nhau. Do chị T nộp đơn xin ly hôn anh Tr trực tiếp đến Tòa án không thông qua khu dân cư tiến hành hòa giải nên khu dân cư cũng không tiến hành hòa giải để chị T, anh Tr về chung sống với nhau. Nay chị T xin ly hôn anh Tr, quan điểm của khu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh Tr hiện có 01 con chung, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu. Qua theo dõi tình hình công dân sinh sống tại khu dân cư thì hiện nay anh Tr vẫn sinh sống cùng mẹ đẻ tại số 3/30A N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Xác minh với bà Nguyễn Thị Th - Chi hội trưởng chi hội phụ nữ khu dân cư số 10, phường N trình bày:

Chị T và anh Tr kết hôn với nhau vào năm 2018. Về mâu thuẫn vợ chồng do chị T, anh Tr không tham gia đoàn thể nào của khu, khi xảy ra mâu thuẫn anh Tr, chị T không báo cáo gì với hội phụ nữ khu nên hội phụ nữ vẫn chưa hòa giải cho vợ chồng chị T lần nào. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị T và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2019, hiện nay cháu D còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Tr; Về con chung: Chị T xin nhận nuôi con Nguyễn Hoàng D , sinh ngày 20/02/2019 và tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đướng lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét

xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thu T ly hôn anh Nguyễn Văn Tr; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2019 kể từ tháng 04 năm 2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tr có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr hiện đang sinh sống tại địa chỉ số 3/30A N, khu 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố H.

Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr tại địa chỉ nêu trên. Anh Tr mặc dù biết được chị T có đơn xin ly hôn và Tòa án triệu tập đến Tòa để giải quyết việc ly hôn với chị T nhưng anh Tr cố tình không đến Tòa làm việc, tham gia tố tụng tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng bà K, bà Ng, ông D vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do chênh lệch nhau về tuổi tác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm giữa chị T,

anh Tr bắt đầu từ tháng 11 năm 2020, anh Tr đuổi chị T ra khỏi nhà nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện K ở. Từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Tr không lần nào đến tìm chị T về chung sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không về đoàn tụ cùng nhau. Đến nay chị T xét thấy tình cảm không còn và xin ly hôn anh Tr.

Anh Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa để trình bày về quan điểm của mình. Việc anh Tr không đến Tòa làm việc thể hiện thái độ không hợp tác gây khó khăn cho chị T trong việc giải quyết ly hôn, nếu thực sự anh Tr muốn vợ chồng về đoàn tụ thì sẽ tìm gặp chị T và yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Từ tháng 11 năm 2020 đến nay chị T và anh Tr sống ly thân, trong thời gian sống ly thân cả hai không tìm biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng; vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh Tr thỉnh thoảng có nhắn tin, gọi điện cho chị T nhưng mục đích không phải khuyên bảo chị T về đoàn tụ mà chỉ đe dọa chị T.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử chị Nguyễn Thu T ly hôn anh Nguyễn Văn Tr là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung**: Chị T xác định giữa chị và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2019. Ly hôn chị T xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tr không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm về con chung.

Xét thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Hoàng D còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh Tr có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án hôn nhân gia đình khác.

[5] **Về án phí**: Chị Nguyễn Thu T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử chị Nguyễn Thu T ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

2. **Về quan hệ con chung**: Giao cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2019 kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. **Về án phí**: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004935 ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương;(ĐKKH ngày 22/11/2018).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu